TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2025
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**
2. Ông **BÙI VĂN MÀU**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **NGUYỄN TRƯỜNG AN** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Đồng Tháp tham gia phiên toà:* Ông **HUỲNH PHƯƠNG HUY** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 232/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **VÕ THỊ T,** sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Địa chỉ mới: ấp H, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh **NGUYỄN HOÀNG G,** sinh năm 1986 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Địa chỉ mới: ấp H, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 05/5/2025, nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày:

Chị T, anh G xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H năm 2013. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh G có dấu hiệu ngoại tình làm vợ chồng thường bất đồng quan điểm, hay tranh cãi. Chị yêu cầu được ly hôn anh G.

Con chung có 02 cháu tên Nguyễn Võ Tấn P, sinh ngày 12/5/2014, cháu Nguyễn Võ Tấn T1, sinh ngày 31/7/2017. Chị đồng ý để anh G nuôi, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng G không có văn bản ý kiến và vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, chị T có đơn xin vắng mặt và anh G vắng mặt không lý do.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh G; giao hai con chung cho anh G nuôi, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh G không có yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Chị T có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt, anh G vắng mặt không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần hai. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

Căn cứ vào lời trình bày của chị T có trong hồ sơ vụ án, chị cho rằng anh chị xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là UBND xã H) năm 2013. Sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh G có dấu hiệu ngoại tình, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường tranh cãi. Chị yêu cầu được ly hôn anh G.

Đồng thời, quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo luật định cho anh G để đảm bảo quyền nêu ý kiến của anh nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, không cung cấp bất kỳ văn bản, tài liệu, chứng cứ gì đến Tòa. Chứng tỏ, anh cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện anh không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị T.

Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:*

Xét, giao hai cháu Nguyễn Võ Tấn P, sinh ngày 12/5/2014, cháu Nguyễn Võ Tấn T1, sinh ngày 31/7/2017 cho anh G nuôi là có cơ sở. Bởi lẽ, hai cháu đã sống ổn định

với anh G và bản thân hai cháu có mong muốn được sống với cha khi cha mẹ ly hôn. Đồng thời, chị T cũng thống nhất việc này. Từ đó, giao hai con chung cho anh G nuôi là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:*

Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:*

Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị T xác định không có cũng như anh G không cung cấp văn bản ý kiến hay yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí:*

Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[7] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Võ Thị T. Cho chị Võ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hoàng G.

Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Võ Tấn P, sinh ngày 12/5/2014, cháu Nguyễn Võ Tấn T1, sinh ngày 31/7/2017 cho anh G nuôi. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh G không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0001663 ngày 12/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp) nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Chị T, anh G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
-THADS tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- UBND xã Hậu Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Hoàng Xuân Lam